TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ L** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2021/DS-ST
Ngày 28-4-2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Chiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Thị Tiếng

2. Ông Đặng Khoa Thi

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Trương Phi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên tòa:*** Ông Dương Chí Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 366/2020/TLST-DS, ngày 04 tháng 12 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2021/QĐXXST-DS, ngày 19 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

Địa chỉ: Đường P, phường X, quận N, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T - Chủ tịch Hồi đồng quản trị (theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301442379, đăng ký thay đổi lần đầu ngày 08/4/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 39, ngày 11/9/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc V - Nhân viên Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh An Giang (theo Quyết định ủy quyền ngày 26/4/2021). (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Bà Dương Thị Q, sinh năm 1973

Cư trú: khóm T, phường H, thành phố L, tỉnh An Giang.

Địa chỉ hiện nay: Khóm K, phường H, thành phố L, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và trong quá trình giải quyết ông Nguyễn Quốc V là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP Đ (sau đây gọi là Ngân hàng) có cho bà Dương Thị Q vay số tiền 10.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00977712/0136524201T19022, ngày 11/4/2019 được ký kết giữa bên cho vay Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh An Giang với bên vay bà Dương Thị Q, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày bên vay rút vốn đầu tiên; Lãi suất trong hạn 12%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Mục đích sử dụng bổ sung vốn kinh doanh; Phương thức thanh toán: nợ gốc và lãi vay được bên vay trả góp thành 12 kỳ bằng nhau, chi tiết số tiền thanh toán theo từng kỳ đính kèm theo hợp đồng vay; Hình thức bảo đảm nợ vay: không có tài sản bảo đảm.

Tính đến ngày 19/11/2020, bà Q đã thanh toán được số tiền gốc và lãi là 6.580.000 đồng và từ đó không trả nữa dù Ngân hàng đã đôn đốc, nhắc nhở nhiều lần nên Ngân hàng khởi kiện.

Trong quá trình Tòa án giải quyết, ngày 12/01/2021 và ngày 05/4/2021 bà Q có trả cho Ngân hàng 02 lần vốn với số tiền 1.000.000 đồng nên Ngân hàng rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền này, chỉ yêu cầu bà Q phải có trách nhiệm trả 4.756.458 đồng, trong đó: vốn 3.296.923 đồng và lãi tạm tính đến ngày 28/4/2021 là 1.459.535 đồng, bao gồm lãi trong hạn 323.077 đồng, lãi quá hạn 1.136.458 đồng. Đồng thời, yêu cầu bà Q tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 29/4/2021 đến khi thanh toán xong số nợ.

Theo Đề nghị vay vốn kiêm phương án vay vốn ngày 02/4/2019 của bà Dương Thị Q có xác nhận của Hội liên hiệp phụ nữ phường H và Ủy ban nhân dân phường H nếu trong trường hợp bà Q không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ của bên vay thì ông Huỳnh Ngọc K (là chồng bà Q) có trách nhiệm trả nợ thay cho bà Q đến khi trả dứt số nợ vay cho Ngân hàng. Tuy nhiên, Ngân hàng xác định chỉ yêu cầu bà Q có trách nhiệm trả nợ, không yêu cầu ông K phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho bà Q nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bị đơn bà Dương Thị Q vẫn vắng mặt. Tại phiên tòa, bà Q tiếp tục vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của đương sự như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý và tại phiên tòa là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn nên chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ, buộc bà Dương Thị Q phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền 4.756.458 đồng, trong đó: gốc là 3.296.923 đồng và lãi tạm tính đến ngày 28/4/2021 là 1.459.535 đồng. Kể từ ngày 29/4/2021, bà Q còn phải trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong nợ. Đình chỉ đối với yêu cầu bà Q trả số tiền vốn 1.000.000 đồng do Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn bà Dương Thị Q. Bà Q cư trú tại khóm T, phường H, thành phố L, tỉnh An Giang và hiện đang sinh sống tại khóm K, phường H, thành phố L, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân thành phố L thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt không lý do, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung: Ngày 11/4/2019, bà Dương Thị Q ký Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00977712/0136524201T19022 với Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh An Giang để vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng; lãi suất trong hạn 12%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng do bà Q vi phạm nghĩa vụ của bên vay nên Ngân hàng yêu cầu bà Q trả số tiền 4.756.458 đồng, trong đó: gốc là 3.296.923 đồng và lãi tạm tính đến ngày 28/4/2021 là 1.459.535 đồng, gồm lãi trong hạn 323.077 đồng và lãi quá hạn 1.136.458 đồng; yêu cầu bà Q tiếp tục trả lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong số nợ.

Trong suốt quá trình giải quyết, bà Q đều vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như chứng cứ do Tòa án thu thập. Bà Q không cung cấp tài liệu, chứng cứ hoặc có yêu cầu phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, như vậy bà đã từ bỏ quyền, nghĩa

vụ được quy định tại khoản 5 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00977712/0136524201T19022, ngày 11/4/2019 được ký kết giữa bên cho vay Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh An Giang với bên vay bà Dương Thị Q và đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn của bà Q có xác nhận của Hội liên hiệp phụ nữ phường H và Ủy ban nhân dân phường H để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ về việc yêu cầu bà Q có trách nhiệm trả số tiền 4.756.458 đồng, trong đó: gốc là 3.296.923 đồng và lãi tạm tính đến ngày 28/4/2021 là 1.459.535 đồng, gồm lãi trong hạn 323.077 đồng và lãi quá hạn 1.136.458 đồng; bà Q còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong số nợ.

Ngân hàng yêu cầu rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vốn 1.000.000 đồng. Xét thấy, việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện này là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về yêu bà Q trả số tiền vốn 1.000.000 đồng.

[3] Về án phí: Bà Dương Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP Đ được nhận lại 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007863, ngày 04/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 2 Điều 244; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 357, 463; 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ đối với bà Dương Thị Q.

Buộc bà Dương Thị Q có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (do Ngân hàng thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh An Giang đại diện

nhận) số tiền 4.756.458 đồng (bốn triệu, bảy trăm năm mươi sáu nghìn, bốn trăm năm mươi tám đồng), trong đó: gốc là 3.296.923 đồng (ba triệu, hai trăm chín mươi sáu nghìn, chín trăm hai mươi ba đồng) và lãi tạm tính đến ngày 28/4/2021 là 1.459.535 đồng (một triệu, bốn trăm năm mươi chín nghìn, năm trăm ba mươi lăm đồng), gồm lãi trong hạn 323.077 đồng (ba trăm hai mươi ba nghìn, không trăm bảy mươi bảy đồng) và lãi quá hạn 1.136.458 đồng (một triệu, một trăm ba mươi sáu nghìn, bốn trăm năm mươi tám đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/4/2021) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00977712/0136524201T19022, ngày 11/4/2019.

- Về án phí: Bà Dương Thị Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần Đ được nhận lại (do Ngân hàng thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh An Giang đại diện nhận thay) số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007863, ngày 04/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TPL;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS TPL;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

Hà Thị Chiền